

Số: *52* /QĐ-BNN-KH

Hà Nội, ngày *08* tháng *01* năm *2018*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và PTNT  
thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ**

#### **BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 431-NQ/BCS ngày 08/01/2018 của Ban cán sự Đảng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và PTNT thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Lãnh đạo Bộ NN&PTNT;
- Đảng ủy Bộ NN&PTNT;
- Đảng ủy Khối CS Bộ tại TP. HCM;
- VP BCS Đảng Bộ;
- Công đoàn Ngành NN&PTNT;
- Đoàn TNCS HCM Bộ NN& PTNT;
- Website Bộ NN&PTNT;
- Lưu: VT, KH. (20)



**BỘ TRƯỞNG**

**Nguyễn Xuân Cường**

**KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG  
CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THỰC HIỆN  
NGHỊ QUYẾT SỐ 01/NQ-CP NGÀY 01/01/2018 CỦA CHÍNH PHỦ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 52/QĐ-BNN-KH  
ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

Ngày 01 tháng 01 năm 2018, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018. Để thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Kế hoạch hành động nhằm cụ thể hóa và tổ chức, triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết với các nội dung, nhiệm vụ chủ yếu sau:

**I. BỐI CẢNH TÌNH HÌNH**

Năm 2017, ngành nông nghiệp triển khai kế hoạch trong bối cảnh rất nhiều khó khăn, thách thức; nhưng nhờ sự lãnh đạo của Đảng, chỉ đạo điều hành sâu sát của Chính phủ, giám sát của Quốc hội, sự phối hợp chặt chẽ của các bộ, ban, ngành và địa phương, sự chung sức, vượt khó, sáng tạo của cộng đồng doanh nghiệp, bà con nông dân trên cả nước, nên đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, toàn diện, đã hoàn thành Kế hoạch nhiệm vụ đề ra; trong đó, có một số chỉ tiêu hoàn thành xuất sắc như kim ngạch xuất khẩu (đạt 36,37 tỷ USD, tăng 13% so với năm 2016), xây dựng nông thôn mới (2.884 xã, tương đương 32,3% và 43 đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới), xây dựng thể chế và thu hút doanh nghiệp đầu tư vào ngành, chất lượng tăng trưởng ngày càng được cải thiện. GDP khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,9%, giá trị sản xuất ngành tăng 3,16% so với năm 2016, là mức tăng cao nhất trong 3 năm qua.

Năm 2018 là năm bán lẻ, có ý nghĩa quyết định để thực hiện Kế hoạch phát triển 5 năm (2016 - 2020) ngành nông nghiệp và PTNT và các Nghị quyết của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 của cả nước và của ngành. Năm 2018 ngành nông nghiệp sẽ có nhiều cơ hội, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen đến từ những yếu kém nội tại của một nền sản xuất nhỏ, trình độ thấp; biến đổi khí hậu gây nên nhiều hình thái thời tiết cực đoan, dị thường (bão, lũ, lụt, hạn hán, xâm nhập mặn...); thị trường nông sản thế giới và trong nước cạnh tranh ngày càng gay gắt, dịch bệnh trên cây trồng vật nuôi tiềm ẩn nhiều rủi ro, khó lường... Những yếu tố trên sẽ tác động mạnh đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, đòi hỏi toàn ngành phải nỗ lực phấn đấu, tập trung nguồn lực, tận dụng thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 01/NQ-CP và hoàn thành thắng lợi mục tiêu kế hoạch của ngành đề ra.

## II. MỤC TIÊU

Mục tiêu của kế hoạch ngành năm 2018 là: Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về kế hoạch phát triển đất nước, kế hoạch phát triển ngành nhằm xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa lớn trên cơ sở phát huy các lợi thế so sánh và tổ chức lại sản xuất; áp dụng khoa học công nghệ để tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia cả trước mắt và lâu dài, đáp ứng nhu cầu đa dạng trong nước và xuất khẩu; tăng thu nhập và cải thiện đời sống của dân cư nông thôn; quản lý và sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. Các chỉ tiêu chính là:

- Tốc độ tăng GDP toàn ngành đạt tối thiểu là 3,0%;
- Tốc độ tăng giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản đạt 3,3 - 3,5 %;
- Kim ngạch xuất khẩu khoảng 41 tỷ USD, trong đó các sản phẩm trồng trọt trên 22 tỷ USD, thủy sản khoảng 10 tỷ USD, lâm sản khoảng 9 tỷ USD.
- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 41,6%;
- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới tối thiểu là 37%.

## III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHÍNH

### 1. Thực hiện hiệu quả ba đột phá chiến lược trong phát triển ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

#### 1.1 Tập trung cải cách, hoàn thiện thể chế để phát triển kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, luật pháp để nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước tạo động lực mới cho phát triển nông nghiệp, hỗ trợ thực hiện cơ cấu lại ngành, thúc đẩy xây dựng nông thôn mới. Triển khai xây dựng và hoàn thiện các Luật, Pháp lệnh và các Nghị định, Quyết định, Thông tư theo đúng Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ và Kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Nông nghiệp và PTNT năm 2018 (theo Kế hoạch riêng của Bộ). Tập trung xây dựng và trình Quốc hội khóa XIV xem xét thông qua Luật Trồng trọt, Luật Chăn nuôi. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, nhất là Luật Thủy lợi, Luật Lâm nghiệp, Luật Thủy sản (sửa đổi) và các luật, pháp lệnh, nghị quyết có liên quan. Hoàn thành tốt các văn bản quy phạm pháp luật được giao.

Hình thành đồng bộ và phát triển các loại thị trường trong nông nghiệp. Chu động phối hợp đề xuất Chính phủ trình Quốc hội xem xét sửa đổi Luật Đất đai, theo hướng khuyến khích và tạo điều kiện tích tụ đất nông nghiệp, tháo gỡ nút thắt “hạn điền”, phát triển mạnh thị trường quyền sử dụng đất nông nghiệp.

#### 1.2 Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn đồng bộ, hiện đại

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/6/2012 của Chính

phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của BCH Trung ương Đảng (khóa XI) và Chương trình hành động của Bộ về phát triển hạ tầng nông nghiệp, nông thôn.

Tập trung triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu lĩnh vực thủy lợi và Đề án nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi; tiến hành rà soát để điều chỉnh phù hợp hơn với tình hình mới. Tổ chức triển khai thi hành Luật Thủy lợi, hoàn thành xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; xây dựng và hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đầu tư xây dựng và khai thác công trình thủy lợi; hoàn thiện Chiến lược phát triển thủy lợi Việt Nam; xây dựng các Đề án: (i) Tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi, (ii) Nâng cao chất lượng công tác quản lý an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi, (iii) Phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và (iv) Huy động vốn cho đầu tư phát triển hạ tầng thủy lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu; rà soát Đề án tái cơ cấu lĩnh vực thủy lợi và Đề án nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi để điều chỉnh phù hợp với Kế hoạch cơ cấu lại ngành.

Tăng cường công tác quản lý, khai thác và bảo đảm an toàn hồ chứa, công trình thủy lợi, đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp và nhu cầu ngày càng tăng về cấp nước sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ. Tăng cường quản lý chất lượng, đầu tư xây dựng công trình thủy lợi và áp dụng khoa học công nghệ để năng lực tưới của hệ thống thủy lợi tăng thêm 20 ngàn ha (tăng 11% so với năm 2017), năng lực tiêu tăng thêm 20 ngàn ha (tăng 25% so với năm 2017).

Nâng cao hiệu quả các dự án đầu tư, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở hạ tầng sản xuất nông, lâm, thủy sản, ưu tiên các công trình, dự án phục vụ cơ cấu lại ngành. Tiếp tục thực hiện các dự án đầu tư, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở hạ tầng thủy sản, bao gồm các nội dung đầu tư Khu neo đậu tránh trú bão. Đẩy nhanh tiến độ các dự án kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông lâm nghiệp, các dự án, công trình cung cấp dịch vụ công và tăng cường năng lực, hiệu lực quản lý nhà nước, năng lực cho lực lượng kiểm lâm, kiểm ngư.

### ***1.3 Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh đào tạo nghề cho nông dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của ngành***

Thực hiện đổi mới cơ chế quản lý, tổ chức sắp xếp lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ theo Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII, Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết và Nghị định số 16/2015/ND-CP ngày 14/02/2015. Triển khai thực hiện Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; thực hiện đồng bộ cả 3 nội dung về quy hoạch mạng lưới, tự chủ đại học và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Triển khai Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam đến năm 2020; thực hiện các giải pháp để phát triển nhanh các ngành dịch vụ phục vụ sản xuất, chế biến, kinh doanh nông nghiệp hàng hóa.

Tiếp tục thực hiện quy hoạch nguồn nhân lực và Đề án nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của ngành đã được phê duyệt. Tăng cường ứng dụng công nghệ



thông tin trong quản lý và hoạt động giảng dạy, nghiên cứu để nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực. Nâng cao hiệu quả đầu tư cho các Trường; ưu tiên đầu tư các trường đào tạo nghề chất lượng cao, nâng cao chất lượng đào tạo một số nghề tiếp cận trình độ các nước phát triển trong ASEAN và thế giới. Huy động sự tham gia của xã hội để tăng nguồn đầu tư cơ sở vật chất và hỗ trợ hoạt động của các Trường.

Nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nông dân theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009, số 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015. Chuyển mạnh sang đào tạo theo nhu cầu của lao động, doanh nghiệp và thị trường để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động ở nông thôn. Gắn đào tạo nghề với thúc đẩy chuyển giao công nghệ mới và quy trình sản xuất mới cho nông dân.

## **2. Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh của ngành, góp phần nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế cả nước**

Tổ chức triển khai có hiệu quả, đúng tiến độ các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và PTNT (phê duyệt tại Quyết định số 654/QĐ-BNN-KH ngày 08/3/2017) thực hiện Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 21/02/2017 về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016 của Hội nghị lần thứ 4 BCH Trung ương Đảng Khóa XII về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế và Nghị quyết số 24/2016/QH14 ngày 08/11/2016 của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016 - 2020.

Tập trung triển khai mạnh mẽ thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2017 - 2020 theo Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 16/11/2017; rà soát, điều chỉnh các Đề án, Kế hoạch, Chương trình hành động tái cơ cấu các ngành, lĩnh vực và của các đơn vị đã được phê duyệt để tạo chuyển biến rõ rệt về năng suất, chất lượng và hiệu quả, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển bền vững.

Định hướng nhiệm vụ và giải pháp cụ thể sau:

### **2.1 Điều chỉnh lại cơ cấu sản xuất**

(1) *Trồng trọt*: Phần đầu đạt tốc độ tăng giá trị sản xuất trồng trọt từ 2,2 - 2,3%, giá trị tăng thêm tối thiểu đạt 2,2%, kim ngạch xuất khẩu trên 22 tỷ USD. Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu cây trồng, sản phẩm phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Chuyển đổi diện tích lúa kém hiệu quả sang các cây trồng khác có thị trường và hiệu quả hơn (ngô, rau màu, cây ăn trái) và sang nuôi trồng thủy sản, nhất là ở các địa phương khó khăn về nguồn nước như miền núi phía Bắc, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Các tỉnh Đồng bằng sông Cửu long chuyển cơ cấu sản xuất từ Lúa - Trái cây - Thủy sản sang Thủy sản - Trái cây - Lúa; phát triển mạnh cây ăn quả, các loại rau, hoa theo hướng công nghệ cao. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, sử dụng

giống mới, năng suất và chất lượng cao, thực hiện các giải pháp quy trình kỹ thuật tiên tiến, ứng dụng cơ giới hóa và phát triển mạnh công nghệ chế biến, bảo quản sau thu hoạch.

*Cây lương thực:* Tập trung nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản xuất lúa gạo thông qua tăng cường sử dụng giống lúa chất lượng và giá trị thương mại cao bằng các biện pháp thâm canh đồng bộ. Tổng diện tích gieo trồng lúa khoảng 7,65 triệu ha, sản lượng đạt 42,98 triệu tấn. Duy trì diện tích ngô 1,1 triệu ha, sản lượng 5,2 triệu tấn; diện tích sắn 540 ngàn ha, sản lượng 10,5 triệu tấn.

*Cây công nghiệp: Đối với cà phê:* Giảm dần diện tích, đặc biệt ở những vùng khó khăn về nước tưới để ổn định diện tích 645 ngàn ha; tái canh, ghép cải tạo khoảng 15 ngàn ha. *Đối với cao su:* Tiếp tục giảm dần diện tích tại những vùng đất không phù hợp và duy trì diện tích khoảng 950 ngàn ha. *Đối với chè:* Giữ ổn định diện tích 132 ngàn ha, năng suất lên 88 tấn/ha, sản lượng trên 1 triệu tấn; đẩy nhanh tiến độ trồng thay thế các diện tích chè trồng hạt sang các giống chè mới theo hướng chế biến chè xanh chất lượng cao. *Đối với cây điều:* Ổn định diện tích khoảng 300 ngàn ha; tiếp tục trồng tái canh và ghép cải tạo đối với diện tích điều già cỗi, sâu bệnh nhiều, giống không đạt yêu cầu. *Đối với cây hồ tiêu:* Giám sát và quản lý phát triển sản xuất; các địa phương điều chỉnh diện tích phù hợp, bền vững.

*Cây ăn quả và rau, hoa:* Nâng diện tích cây ăn quả lên khoảng 930 ngàn ha, tăng 6,1 ngàn ha so với năm 2017; nâng cao năng suất, chất lượng để tăng sản lượng và giá trị; mỗi địa phương lựa chọn phát triển cây ăn quả lợi thế thành vùng hàng hóa quy mô lớn và đẩy mạnh sản xuất theo hướng GAP, bảo đảm an toàn thực phẩm và thực hiện rải vụ thu hoạch trái cây. Phát triển sản xuất rau, hoa công nghệ cao, quy mô lớn tập trung ở các vùng ven đô, các thành phố lớn.

(2) *Chăn nuôi:* Phân đầu tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi đạt từ 3,5 - 4%, giá trị tăng thêm khoảng 2,8 - 3%; sản lượng thịt hơi các loại 5,39 triệu tấn; sản xuất 21,25 triệu tấn thức ăn gia súc, gia cầm công nghiệp quy đổi. Tiếp tục chuyên chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang phát triển chăn nuôi tập trung theo mô hình trang trại, gia trại; nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo hướng áp dụng kỹ thuật tiên tiến, có kiểm soát theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 (tỷ lệ gia súc được chăn nuôi theo hình thức trang trại, công nghiệp đạt 38 - 40%, gia cầm đạt 50,5%; gà được nuôi theo quy trình VietGAP đạt 18%, lợn đạt 2%). Cải tạo giống, nâng cao năng suất, chất lượng đàn vật nuôi; phát triển giống chất lượng cao; ưu tiên nhập khẩu giống tốt, chọn tạo đàn giống thích hợp cho mỗi vùng sinh thái; tập trung chỉ đạo các biện pháp giám sát, chủ động phòng chống dịch bệnh và vệ sinh an toàn thực phẩm; xây dựng các điều kiện tiếp cận thị trường.

(3) *Thủy sản:* Phân đầu tốc độ tăng giá trị sản xuất thủy sản đạt 5,3 - 5,8%; sản lượng đạt khoảng 7,5 triệu tấn (nuôi trồng đạt 4 - 4,5 triệu tấn), giá trị gia tăng đạt khoảng 5,5%, kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 10 tỷ USD. Tổ chức thực hiện tốt Luật Thủy sản (sửa đổi) và hoàn thành các văn bản hướng dẫn thi

hành Luật. Xây dựng kế hoạch phát triển ngành tôm nhằm đạt mục tiêu 10 tỷ USD vào năm 2025. Phát triển đồng bộ khai thác và nuôi trồng thủy sản.

Khuyến khích nuôi thâm canh, công nghiệp, áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến và nuôi theo các tiêu chuẩn chứng nhận (GAPs). Triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ nghiên cứu phát triển 2 sản phẩm quốc gia (tôm và cá da trơn). Ổn định diện tích nuôi tôm sú khoảng 600 ngàn ha, sản lượng 270 ngàn tấn; phát huy lợi thế của nuôi tôm thẻ chân trắng ở các vùng có điều kiện phù hợp và duy trì diện tích khoảng 100 ngàn ha, sản lượng 450 ngàn tấn; tập trung nâng cao chất lượng giống cá tra và mở rộng thị trường tiêu thụ cá tra; phát triển nuôi cá rô phi thâm canh trong ao ở Đồng bằng Bắc Bộ, nuôi lồng bè ở Nam Bộ; nuôi nhuyễn thể, rong biển, cá biển và các loại thủy sản khác phù hợp với từng vùng, miền và thị trường.

Giám dân sản lượng khai thác ven bờ, đẩy mạnh khai thác xa bờ gắn với bảo vệ nguồn lợi và góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo; thực hiện nghiêm quy định về đánh bắt và truy xuất nguồn gốc thủy sản, sớm giải quyết vấn đề áp “thẻ vàng” của EU; đồng thời hài hòa hóa các quy định về kiểm soát thủy sản theo thông lệ quốc tế. Tập trung phát triển chiến lược nuôi biển gắn với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển đảo và thực hiện Chiến lược biển Việt Nam. Phát huy và củng cố vai trò của các mô hình đồng quản lý nông lâm thủy sản, các hiệp hội ngành hàng, các làng nghề ngư nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới.

(4) *Lâm nghiệp*: Phần đầu đạt tốc độ tăng giá trị sản xuất lâm nghiệp khoảng 6,2 - 6,5%, giá trị gia tăng đạt tối thiểu 6%, kim ngạch xuất khẩu khoảng 9 tỷ USD. Hoàn thiện các văn bản hướng dẫn và tổ chức thực hiện Luật Lâm nghiệp năm 2017. Quản lý, sử dụng bền vững, hiệu quả diện tích rừng tự nhiên, thực hiện nghiêm chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên; tăng tỷ lệ rừng kinh tế trong tổng diện tích rừng; bảo vệ phát triển quỹ đất được quy hoạch cho phát triển lâm nghiệp để tăng độ che phủ rừng lên 41,6%. Khôi phục hệ thống rừng ven biển, quản lý chặt chẽ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn. Nghiêm túc thực hiện kế hoạch trồng rừng thay thế đối với diện tích rừng bị chuyển đổi làm thủy điện và mục đích khác.

Nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị từng loại rừng; nâng cao hiệu quả kinh tế rừng trồng theo hướng đa chức năng, trồng rừng gỗ lớn, gỗ quý và lâm sản ngoài gỗ; nâng cao mức đảm bảo cung gỗ nguyên liệu cho công nghiệp chế biến đáp ứng yêu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu; tạo cơ chế ứng dụng khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế, khai thông thị trường. Tăng cường công tác bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng; ngăn chặn và xử lý kịp thời, có hiệu quả các vi phạm.

(5) *Diêm nghiệp*: Triển khai các giải pháp cải tạo nâng cấp và hiện đại hóa các đồng muối, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng sản lượng muối công nghiệp, nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành, cải thiện thu nhập cho diêm dân. Diện tích sản xuất đạt 14.500 ha, sản lượng khoảng 1,43 triệu tấn. Đẩy mạnh sản xuất muối cung cấp cho công nghiệp hóa chất, chế biến muối iốt; thông qua chế biến để tiêu thụ muối thô tạo điều kiện nâng cao đời sống diêm dân.



(6) *Phát triển công nghiệp chế biến NLTS*: Tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cơ cấu lại lĩnh vực công nghiệp chế biến, bảo quản và giảm tồn thất sau thu hoạch; khuyến khích phát triển công nghiệp chế biến sâu, chế biến tinh, chế biến sản phẩm ăn liền để nâng cao giá trị gia tăng; đẩy mạnh cơ giới hóa trong nông nghiệp; nhân rộng các mô hình cơ giới hóa đồng bộ (phần đầu tỷ lệ cơ giới hóa khâu làm đất cây hàng năm đạt 95%, khâu gieo trồng lúa đạt 45% và khâu thu hoạch lúa đạt 55%). Phát triển công nghiệp phụ trợ, tận dụng triệt để các phế phụ phẩm nông nghiệp tạo sản phẩm có giá trị gia tăng cao, giảm chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất; phát triển công nghiệp hỗ trợ để nâng cao hiệu quả sản xuất.

## **2.2 rà soát, sửa đổi bổ sung quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp**

Đề xuất các giải pháp tổng thể, đồng bộ về quy hoạch, kế hoạch, cơ cấu sản xuất cây trồng, vật nuôi... thích ứng với tình hình biến đổi khí hậu, hạn hán, xâm nhập mặn, nhất là ở vùng đồng bằng sông Cửu Long và phù hợp với Luật Quy hoạch. Trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp theo Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 02/02/2012 để phục vụ cơ cấu lại ngành, gắn với xây dựng nông thôn mới và phù hợp với Luật Quy hoạch.

Tăng cường các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện kế hoạch sản xuất gắn với lợi thế và nhu cầu thị trường, kết hợp phát triển ngành, vùng với phát triển công nghiệp, dịch vụ, đô thị để xây dựng kế hoạch phát triển và kế hoạch đầu tư. Phối hợp kiểm tra việc lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp theo quy định.

## **2.3 Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ**

Nâng cao hiệu quả công tác nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ nhằm cải thiện chất lượng và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông, lâm, thủy sản theo chuỗi giá trị. Đưa khoa học công nghệ vào phục vụ phát triển nông nghiệp, xây dựng nền nông nghiệp công nghệ cao, tập trung vào các sản phẩm chủ lực xuất khẩu; nghiên cứu, chuyển giao và sản xuất các loại giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, có khả năng chống bệnh và thích ứng với biến đổi khí hậu; tập trung hoàn thiện công nghệ chế biến, bảo quản sau thu hoạch. Hoàn thiện cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ. Phát triển mạnh mẽ và đồng bộ thị trường khoa học và công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp; phân cấp hoạt động khuyến nông cho các tổ chức của nông dân và doanh nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp, nông dân ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp.

Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp để tận dụng tối đa cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, đặc biệt là các lĩnh vực nông nghiệp Việt Nam có tiềm năng và lợi thế như nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, công nghệ sinh học... Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong phòng chống thiên tai; ứng dụng công nghệ 4.0 trong phòng, chống, quản lý rủi ro thiên tai.



Hoàn thiện hệ thống quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn quốc gia phục vụ quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, chất lượng và an toàn thực phẩm; hài hoà hoá tiêu chuẩn khu vực, quốc tế để thúc đẩy mở rộng thị trường xuất khẩu.

#### ***2.4 Tiếp tục tổ chức lại sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp phù hợp với điều kiện cụ thể từng vùng, miền, sản phẩm, ngành hàng. Đổi mới và nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả***

*Về công tác quản lý doanh nghiệp, công ty nông, lâm nghiệp:* Đề xuất Chính phủ hoàn thiện cơ chế, chính sách đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp nhà nước trong nông, lâm nghiệp nhằm phát huy hiệu quả sử dụng đất, rừng và các tài sản nhà nước đã đầu tư. Cơ cấu lại các doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 707/QĐ-TTg ngày 25/5/2017; thực hiện sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước và hoàn thành thoái vốn tại các doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm giữ, tham gia góp vốn theo Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg ngày 28/12/2016 và văn bản số 911/TTg-ĐMDN ngày 10/7/2017. Tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ; kiên quyết xử lý doanh nghiệp nhà nước thua lỗ; nâng cao chất lượng quản trị, hiệu quả của doanh nghiệp theo nguyên tắc thị trường và phù hợp với thông lệ quốc tế.

Tiếp tục chủ trì triển khai thực hiện và phối hợp kiểm tra, đôn đốc, giám sát các địa phương triển khai thực hiện; cơ bản hoàn thành sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp trên cơ sở phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ theo Nghị quyết số 30-NQ/TW và Nghị định số 118/2014/ND-CP.

*Về đẩy mạnh thực hiện các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản:* Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp; nhân rộng các mô hình tổ chức sản xuất mới, hiệu quả đã được kiểm chứng; phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị; chuyển mạnh từ sản xuất theo hộ gia đình riêng lẻ sang mô hình sản xuất hợp tác, liên kết, tập trung, quy mô lớn. Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển 15.000 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả giai đoạn 2017 - 2020...

#### ***2.5 Quản lý và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư công; đẩy nhanh tiến độ thực hiện, nhất là các dự án hoàn thành trong năm 2018***

Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, cơ cấu lại đầu tư công để tập trung vốn đầu tư công cho các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách. Tổ chức thực hiện nghiêm, hiệu quả kế hoạch vốn đầu tư công được giao. Tập trung chỉ đạo, triển khai khởi công mới các dự án đầu tư vốn trái phiếu Chính phủ cho các công trình thủy lợi lớn của ngành. Đẩy nhanh thực hiện, bảo đảm hoàn thành các dự án ODA theo đúng tiến độ hiệp định đã ký kết. Tăng cường thu hút vốn đầu tư xã hội vào nông nghiệp, nông thôn.

#### ***2.6 Đẩy mạnh phát triển thương mại, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm và tăng cường xuất khẩu***

Đẩy mạnh thực hiện Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011 - 2020, định hướng đến năm 2030. Tăng cường năng lực nghiên cứu, dự báo và

thông tin thị trường để kịp thời định hướng tổ chức sản xuất, tiêu thụ nông sản... Triển khai các biện pháp phòng vệ thương mại, các rào cản kỹ thuật phù hợp với cam kết quốc tế, đàm phán và ký kết các thỏa thuận công nhận lẫn nhau trong kiểm dịch, bảo vệ thực vật, vệ sinh an toàn thực phẩm. Hỗ trợ doanh nghiệp về pháp lý trong tranh chấp thương mại, giảm thiểu rủi ro trong hội nhập quốc tế.

Xây dựng, hoàn thiện và triển khai các chương trình, đề án nhằm mục tiêu đa dạng hóa, phát triển thị trường tiêu thụ nông sản. Xây dựng một số thương hiệu nông sản chủ lực (tôm, cá tra, cà phê...). Triển khai Đề án phát triển thương hiệu gạo Việt Nam. Hỗ trợ nông dân, doanh nghiệp xây dựng phát triển thương hiệu, gắn với chỉ dẫn địa lý, quảng bá sản phẩm; phát triển kinh doanh thương mại điện tử, các kênh phân phối, đẩy mạnh kết nối giữa nhà phân phối và nông dân tại các vùng sản xuất nông sản; đa dạng hóa thị trường tiêu thụ nông sản.

Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại nội địa và khuyến khích tiêu dùng nội địa; xây dựng hình ảnh sản phẩm thông qua chất lượng cao, đảm bảo an toàn thực phẩm và phù hợp thị hiếu người tiêu dùng. Xử lý nghiêm và công khai các hành vi gian lận thương mại, vi phạm qui định về chất lượng, an toàn thực phẩm, cạnh tranh không lành mạnh làm mất uy tín nông sản Việt Nam.

### **3. Tập trung phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới**

***3.1 Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 theo các Quyết định: số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016, số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017***

Triển khai Kế hoạch năm 2018 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020. Tập trung thực hiện các nhiệm vụ của cơ quan Chủ trương trình và nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao cho Bộ Nông nghiệp và PTNT. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới nhằm đạt mục tiêu cuối năm 2018 cả nước có 37% xã và 52 huyện đạt tiêu chí nông thôn mới. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện Chương trình, nhất là về chất lượng công tác thẩm định, xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới cũng như vấn đề nợ đọng xây dựng cơ bản. Thực hiện đúng kế hoạch, lộ trình để xử lý dứt điểm nợ đọng của Chương trình trước năm 2019.

### ***3.2 Quy hoạch và điều chỉnh dân cư***

Triển khai thực hiện các giải pháp chính sách đặc thù về di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện theo Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18/11/2014. Tiếp tục thực hiện Chương trình bố trí dân cư các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng đến năm 2020 (Năm 2018 bố trí sắp xếp ổn định dân cư với 15.500 hộ). Tiếp tục rà soát, đề xuất bổ sung chính sách và giải pháp ổn định dân di cư tự do theo Chỉ thị số 39/2004/CT-TTg ngày 12/11/2004. Tập trung ổn định đời sống, sản xuất của người dân các cụm, tuyến dân cư vượt lũ, vùng chịu ảnh hưởng của thiên tai.

### **3.3 Phát triển ngành nghề nông thôn**

Trên cơ sở các mô hình điểm về xử lý môi trường ở các cơ sở công nghiệp chế biến, các làng nghề, triển khai kế hoạch về giải quyết môi trường các cơ sở này theo từng địa phương, vùng và cả nước, ưu tiên xử lý ô nhiễm môi trường ở các làng nghề gần khu dân cư tập trung. Tiếp tục nghiên cứu, triển khai thực hiện các mô hình môi trường làng nghề. Phối hợp hỗ trợ các làng nghề, hộ gia đình, hợp tác xã và doanh nghiệp xây dựng và nhân rộng mô hình sản xuất các sản phẩm thủ công truyền thống theo hướng hiện đại có sức cạnh tranh cao.

### **3.4 Thực hiện tốt các chính sách xã hội, giảm nghèo và nâng cao đời sống của nông dân**

Thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững theo chuẩn nghèo đa chiều quy định tại Nghị quyết số 76/2014/QH13. Tham gia thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 1722/QĐ - TTg ngày 02/9/2016 và các chương trình mục tiêu về an sinh xã hội. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các hoạt động hỗ trợ sản xuất, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho nông dân, nhất là tại các xã nghèo, huyện nghèo; thực hiện cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng gắn với giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015.

Phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan, các địa phương thực hiện có kết quả, hiệu quả các tiêu chí về văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao, y tế, giáo dục, đào tạo, lao động, việc làm, môi trường, thông tin, truyền thông...

### **4. Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm**

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 về tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm. Đẩy mạnh xây dựng các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, nhất là cho các đô thị lớn; tổ chức sản xuất theo hướng tập trung đảm bảo an toàn thực phẩm, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (GAP, GMP, HACCP, ISO 22000...); tăng cường sử dụng vật tư nông nghiệp theo hướng hữu cơ. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm; giải quyết tốt hơn những bức xúc của xã hội, bảo vệ sản xuất và người tiêu dùng. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát, thanh tra để kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm và công bố công khai các hành vi sử dụng chất không đúng quy định.

### **5. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường**

Tổ chức thực thi Luật Phòng, chống thiên tai, Luật Đê điều...; hoàn thành Chiến lược Phòng chống thiên tai, Kế hoạch phòng chống thiên tai cấp quốc gia; điều chỉnh, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật để nâng cao năng lực cơ quan phòng chống thiên tai, huy động sự tham gia của cộng đồng, phối kết hợp giữa các Bộ, ngành địa phương. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo; xây dựng hệ thống quan trắc, cảnh báo chuyên dùng phục vụ phòng chống thiên tai; đẩy mạnh xã hội hóa cung cấp dịch vụ công về quan trắc, dự báo khí tượng thủy văn.



Tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; tham gia thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh; tăng cường đổi mới và sử dụng công nghệ tiên tiến tiết kiệm tài nguyên, chi phí đầu vào cho sản xuất; tăng cường tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức cho cộng đồng về công tác bảo vệ, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn lợi, tài nguyên. Kiên quyết không chấp thuận đầu tư, cấp phép, triển khai các dự án không đảm bảo tiêu chuẩn môi trường, có nguy cơ gây ô nhiễm, gây ảnh hưởng đến môi trường sinh thái.

Đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản. Tập trung đầu tư các chương trình đã được phê duyệt (hệ thống đê sông, đê biển, hồ đập xung yếu, khu neo đậu tàu thuyền trú tránh bão, công trình chống ngập úng đô thị lớn, chống sạt lở bờ sông, bờ biển, trạm quan trắc, cảnh báo thiên tai; trung tâm chỉ huy, điều hành phòng chống thiên tai...). Khẩn trương ổn định dân cư vùng thiên tai, nhất là các hộ dân phải di dời. Sửa chữa khẩn cấp công trình đê điều, hồ đập bị sự cố và xử lý cấp bách các trọng điểm về sạt lở bờ sông, xói lở bờ biển.

Tăng cường kiểm tra việc sử dụng đất nông nghiệp, đặc biệt là đất lúa; nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp về sử dụng đất đúng mục đích theo quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt. Sử dụng tiết kiệm, không bỏ đất hoang, không làm ô nhiễm, thoái hóa đất; canh tác đúng kỹ thuật, thực hiện luân canh, tăng vụ để nâng cao hiệu quả, cải tạo, làm tăng độ màu mỡ của đất, bảo vệ môi trường sinh thái.

Tăng diện tích trồng rừng mới, đẩy mạnh khôi phục rừng phòng hộ, rừng ngập mặn ven biển; bảo vệ, phát triển và sử dụng hiệu quả, bền vững diện tích rừng và quỹ đất được quy hoạch; phát huy có hiệu quả các chức năng phòng hộ, bảo vệ môi trường sinh thái và tính đa dạng sinh học của rừng. Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 112/2015/NQ-QH13 về tăng cường quản lý đất đai có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh do các công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp, ban quản lý rừng và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác sử dụng.

Tổ chức thực hiện quy hoạch khai thác hải sản cho từng vùng biển ven bờ, từng nghề; phát triển các mô hình đồng quản lý nghề cá; xây dựng các mô hình chuyên đổi nghề, tạo sinh kế thay thế cho các nghề khai thác hải sản ảnh hưởng đến nguồn lợi và môi trường. Hình thành hệ thống các khu bảo tồn biển, bảo tồn vùng nước nội địa nhằm bảo vệ, phục hồi, tái tạo nguồn lợi, nhất là các loài thủy sản quý hiếm, có giá trị kinh tế và khoa học cao, bảo vệ hệ sinh thái thủy sinh.

Phối hợp quản lý tốt nguồn nước của các lưu vực sông và hệ thống thủy lợi bảo đảm các quá trình khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, phục vụ có hiệu quả sự phát triển kinh tế - xã hội trước mắt và lâu dài. Quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả các hồ chứa, tiết kiệm nước, chủ động xây dựng phương án phòng chống thiên tai. Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong quản lý, khai thác, sử dụng bền vững nguồn nước, bảo đảm cân bằng sinh thái, giữ gìn đa dạng sinh học các vùng nước nội địa ở mức độ cao. Nghiên cứu giải pháp về lâu dài để hạn chế, khắc phục hậu quả lũ lụt tại các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên.

Tiếp tục thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đầu tư trồng rừng sản xuất và



chế biến lâm sản, phát triển du lịch sinh thái rừng. Thực hiện Đề án tổng thể bảo vệ môi trường làng nghề đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

**6. Thúc đẩy mạnh mẽ cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; siết chặt kỷ luật, kỷ cương; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin; sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả**

#### ***6.1 Đẩy mạnh cải cách hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy***

*Về cải cách hành chính, hiện đại hóa công sở:* Đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 theo Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 và tổ chức thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính của Bộ giai đoạn 2016 - 2020. Nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015; tiếp tục rà soát, bãi bỏ các thủ tục hành chính không cần thiết, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp. Thực hiện Chính phủ điện tử theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 và Kế hoạch tổng thể triển khai cơ chế một cửa ASEAN, cơ chế một cửa quốc gia giai đoạn 2016 - 2020, theo Quyết định số 2185/QĐ-TTg ngày 14/11/2016. Tăng cường số lượng, nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đảm bảo tính kịp thời, công khai, minh bạch, góp phần cải thiện môi trường kinh doanh lĩnh vực nông nghiệp.

*Về củng cố và hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý ngành:* Hoàn thiện, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước của Bộ, ngành tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của BCH Trung ương Đảng (khóa XII) và Chương trình hành động của Chính phủ.

Quản lý chặt chẽ số lượng biên chế công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị hành chính thuộc Bộ trên cơ sở vị trí việc làm, số lượng người làm việc, tiêu chuẩn ngạch bậc công chức, chức danh nghề nghiệp và chức danh lãnh đạo, quản lý. Dừng việc giao bổ sung biên chế; năm 2018 phấn đấu giảm 2,5% biên chế công chức, viên chức so với năm 2017; kiên quyết cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức, giảm số người phục vụ trong từng đơn vị, tổ chức, nhất là khối văn phòng. Kiên quyết hợp nhất, sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập để thu gọn đầu mối, tinh giảm biên chế; giảm tối đa các Ban quản lý dự án.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách công vụ, công chức. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ năng lực, phẩm chất và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Đề cao trách nhiệm cá nhân trong công tác lãnh đạo, quản lý điều hành; tăng cường trách nhiệm trong phối hợp công tác. Đổi mới công tác tuyển dụng, đào tạo, quản lý, sử dụng, bổ nhiệm cán bộ, công chức. Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính theo Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016.

#### ***6.2 Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, phát triển doanh nghiệp***

Triển khai có hiệu quả, đúng tiến độ các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện các Chương trình/Kế hoạch hành động của Bộ thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ: số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 (phê duyệt tại Quyết định số 2484/QĐ-BNN-QLDN ngày 20/6/2016);

số 19/NQ-CP về thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính; tiếp tục rà soát, bãi bỏ, cắt giảm 50% thủ tục hành chính và các điều kiện kinh doanh cụ thể, tạo môi trường thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

Triển khai thực hiện Chiến lược thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông, lâm nghiệp và ngư nghiệp, Nghị định thay thế Nghị định số 210/2013/NĐ-CP về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và các chính sách liên quan để tăng cường thu hút đầu tư tư nhân cả trong và ngoài nước vào nông nghiệp, nông thôn. Thúc đẩy các hình thức đầu tư theo hình thức đối tác công tư trong nông nghiệp theo Nghị định số 15/2015/NĐ-CP và Thông tư của Bộ. Khuyến khích hình thành doanh nghiệp lớn, thương hiệu mạnh, có năng lực cạnh tranh cao, tham gia mạng sản xuất, kinh doanh và chuỗi giá trị nông sản toàn cầu, nhất là nhóm các sản phẩm nông nghiệp chủ lực quốc gia.

#### **7. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phòng chống tham nhũng**

Triển khai đồng bộ các giải pháp tại Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 06/02/2014 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 21-KL/TW về công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí. Triển khai Kế hoạch thực hiện Luật Phòng chống tham nhũng và Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2018; xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 29/11/2017 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện công tác phòng chống tham nhũng đến năm 2020. Tổ chức thực hiện nghiêm việc kê khai tài sản theo Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 3/01/2014 của Bộ Chính trị và Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra xử lý nghiêm các vi phạm theo quy định của pháp luật; thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) và Chương trình hành động của Chính phủ về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá".

Tiếp tục thực hiện nghiêm Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 26/5/2014, Nghị quyết số 39/2012/QH13 ngày 23/11/2012 và các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

#### **8. Kết hợp phát triển nông nghiệp, nông thôn với bảo đảm quốc phòng, an ninh; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế**

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/W của BCH Trung ương Đảng (khóa XI) về Chiến lược bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới. Tổ chức triển khai Kế hoạch hành động của Bộ (ban hành kèm theo Quyết định 2779/QĐ-BNN-KH ngày 06/7/2016) về thực hiện Quyết định số 1022/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết số 1059/NQ-UBTVQH ngày 09/11/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện chính

sách, pháp luật kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh trong quá trình xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành.

Lồng ghép thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất với chính sách hỗ trợ hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi; hỗ trợ các xã, thôn, bản vùng bãi ngang, ven biển, hải đảo, vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, di cư tự do, khu rừng đặc dụng; kết hợp chính sách phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng an ninh khu vực biên giới, biển đảo.

Thực hiện các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh, an toàn thông tin, nhất là thông tin mạng; thực hiện có hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch hành động của Bộ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05/11/2016 của BCH Trung ương Đảng (khóa XII) và Chương trình hành động của Chính phủ về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Tổ chức phổ biến các FTAs đã ký kết, tạo điều kiện để các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả tại các thị trường đã có FTA. Tăng cường đàm phán mở cửa thị trường, cập nhật các thông tin về chính sách thương mại của các đối tác, các quốc gia khác để hướng dẫn các doanh nghiệp có phản ứng phù hợp, kịp thời. Chủ động triển khai những giải pháp tăng cường quản lý, kiểm soát hàng rào kỹ thuật, bảo đảm nhu cầu và bảo hộ hợp lý sản xuất theo quy định của pháp luật và phù hợp với cam kết quốc tế.

#### **9. Thực hiện tốt và đổi mới công tác dự báo thống kê; thông tin tuyên truyền, thi đua, khen thưởng**

- Tăng cường năng lực công tác thống kê, dự báo và truyền thông đáp ứng nhu cầu quản lý, điều hành và phục vụ sản xuất, kinh doanh của ngành. Tổ chức tốt việc thực hiện hợp tác, phối hợp về công tác thống kê và chia sẻ thông tin với Tổng cục Thống kê theo Quy chế đã ký năm 2016. Đổi mới và cập nhật được giá trị gia tăng theo các chuỗi ngành hàng nông, lâm, thủy sản. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quản lý, bao gồm quản lý hành chính, quản lý sản xuất, quản lý chiến lược - kế hoạch, quản lý tài chính, quản lý nhân sự và tài nguyên; khai thác cơ hội của cách mạng 4.0. Xây dựng hệ thống thông tin thị trường có hiệu quả để hỗ trợ cho sản xuất kinh doanh và hoạch định chính sách. Thực hiện Quyết định số 898/QĐ-TTg ngày 27/5/2016 về phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2016 - 2020.

Tăng cường công khai, minh bạch và cung cấp thông tin về các vấn đề của ngành được xã hội quan tâm để tạo sự đồng thuận và quyết tâm cao trong triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2018. Kịp thời đánh giá, tổng kết và phản ánh trung thực hoạt động của ngành; phát hiện, phê phán và ngăn chặn những hiện tượng tiêu cực, sách nhiễu và tuyên dương những gương người tốt, những việc làm hay để nhân rộng trong toàn ngành.

- Thực hiện tốt phong trào thi đua thực hiện Đề án, Kế hoạch cơ cấu lại ngành, gắn với xây dựng nông thôn mới và Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” trong toàn ngành. Xây dựng kế hoạch truyền thông về xây dựng nông thôn mới năm 2018; phối hợp xây dựng kế hoạch thực hiện Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016 - 2020.

- Tăng cường công tác phối hợp với các Bộ, ngành liên quan, các đoàn thể, các địa phương trong kiểm tra, theo dõi, giám sát nhằm nâng cao hiệu quả, kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và các nội dung có liên quan tại Nghị quyết của Chính phủ và Chương trình hành động của Bộ. Phối hợp rà soát kết quả thực hiện các chương trình, kế hoạch phối hợp công tác đã ký kết giữa Bộ Nông nghiệp và PTNT với các cơ quan liên quan, các địa phương để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình mới; đồng thời đánh giá, rút kinh nghiệm để mở rộng ký kết chương trình hợp tác với các cơ quan khác.

#### IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức trực thuộc Bộ; Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc các Tổng công ty, Giám đốc các doanh nghiệp thuộc Bộ theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, căn cứ vào Kế hoạch hành động này để xây dựng, trình duyệt kế hoạch cụ thể và triển khai thực hiện.

2. Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng và cuối năm các đơn vị tiến hành rà soát, báo cáo Bộ (qua Vụ Kế hoạch) kết quả thực hiện trong đó nêu rõ: Việc đã hoàn thành, việc chưa hoàn thành và nguyên nhân. Báo cáo gửi qua đường công văn và qua thư điện tử: [kh@mard.gov.vn](mailto:kh@mard.gov.vn) trước ngày 25 hàng tháng để tổng hợp báo cáo Chính phủ; Thủ tướng Chính phủ.

3. Giao Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ theo dõi và báo cáo kết quả thực hiện của các đơn vị tại cuộc họp giao ban thường kỳ của Bộ.

*(Chi tiết có phụ lục kèm theo)./.*



**BỘ TRƯỞNG**

**Nguyễn Xuân Cường**





**PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ**

thực hiện Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và PTNT thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018  
(Quyết định số: 52 /QĐ-BNN-KH ngày 18/01/2018)

TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
<b>I. Thực hiện hiệu quả ba đột phá chiến lược trong phát triển ngành</b>					
<b>1. Hoàn thiện thể chế, chính sách</b>					
1.	Hoàn thành Kế hoạch xây dựng văn bản QPPL của Bộ năm 2018. Trong đó, tập trung xây dựng và trình Quốc hội thông qua: Luật Trồng trọt, Luật Chăn nuôi	Vụ Pháp chế; các Cục: Trồng trọt, Chăn nuôi; Tổng cục PCTT	Các đơn vị liên quan	Các Luật và các Nghị định, Quyết định, Thông tư	Theo Kế hoạch riêng được phê duyệt
2.	Phối hợp đề xuất sửa đổi Luật Đất đai theo hướng khuyến khích tích tụ đất NN, gắn với cơ cấu lại NN, chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn; giải quyết đất ở và đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số	Vụ Pháp chế	Viện CS và CL phát triển NN, NT; Vụ Kế hoạch, Bộ Tài nguyên và MT	Báo cáo Dự án Luật sửa đổi Luật Đất đai năm 2013	Theo Kế hoạch của Chính phủ
3.	Xây dựng và ban hành các quy chuẩn, tiêu chuẩn quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp. ATTP (theo Kế hoạch năm 2018)	Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường	Các Tổng cục, Cục chuyên ngành	Các Quyết định phê duyệt, công bố của Bộ	2018
4.	Hoàn thiện chính sách Khuyến nông	Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường	Trung tâm Khuyến nông quốc gia	Nghị định sửa đổi Nghị định số 02/2010/NĐ-CP	Quý II/2018
<b>2. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn đồng bộ, hiện đại</b>					
5.	Xây dựng kết cấu hạ tầng thủy lợi đồng bộ, hiện đại	Các Tổng cục Thủy lợi, Phòng chống thiên tai	Cục QLXDCT; Vụ Kế hoạch; các Sở NN và PTNT	Các dự án theo Kế hoạch đầu tư công năm 2018	Theo tiến độ KH đầu tư công năm 2018
6.	Đầu tư hạ tầng công trình cấp nước sạch, nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn	Tổng cục Thủy lợi	Các đơn vị liên quan	Báo cáo Bộ trưởng	2018

TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
7.	Huy động các nguồn lực để phát triển hạ tầng nông nghiệp, nông thôn	Các Tổng cục, Cục: Văn phòng ĐP NTM TW	Cục QLXDCT; Vụ Kế hoạch; các Sở NN và PTNT	Báo cáo của đơn vị trình Bộ trưởng	2018 và các năm tiếp theo
<b>3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực</b>					
8.	Nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề cho nông dân, gắn với giải quyết việc làm, phục vụ cơ cấu lại ngành và xây dựng nông thôn mới	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT <sup>1</sup>	Trung tâm Khuyến nông QG; các Sở Viện, Trường	Báo cáo của Bộ trình TTgCP	Theo QĐ số 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015
9.	Phát triển nguồn nhân lực phục vụ tái cơ cấu ngành và xây dựng nông thôn mới (Theo Quyết định 1291/QĐ-BNN-TCCB ngày 12/6/2014)	Vụ Tổ chức cán bộ	Các Sở Nông nghiệp và PTNT	Báo cáo kết quả năm 2018	Theo Đề án của Bộ được duyệt
<b>II. Cơ cấu lại nông nghiệp, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh của ngành</b>					
<b>I. Tổ chức đánh giá và sơ kết các Đề án, Kế hoạch về tái cơ cấu ngành, lĩnh vực</b>					
10.	Hoàn thành các nhiệm vụ, Đề án Chính phủ giao cho Bộ năm 2018 tại Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 22/7/2016 <sup>1</sup> và Nghị quyết số 64/NQ-CP ngày 22/7/2016 <sup>2</sup> và các Kế hoạch hành động của Bộ	Các đơn vị được giao chủ trì thực hiện các nhiệm vụ, Đề án	Các đơn vị liên quan; các Sở Nông nghiệp và PTNT	Báo cáo Bộ kết quả thực hiện các nhiệm vụ, Đề án	2018
11.	Tổ chức sơ kết 5 năm thực hiện tái cơ cấu từng ngành, lĩnh vực	Các đơn vị chủ trì Đề án/KH	Vụ Kế hoạch; các đơn vị liên quan	Báo cáo Bộ kết quả thực hiện	Quý II/2018
12.	Tổ chức sơ kết 5 năm thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành, lồng ghép với triển khai Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2017 - 2020	Vụ Kế hoạch	Các đơn vị liên quan; các địa phương	Các Hội nghị theo vùng KT- XH	Quý II/2018
13.	Rà soát các Đề án/Kế hoạch TCC các chuyên ngành, lĩnh vực để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn và theo định hướng chung Kế hoạch toàn ngành theo QĐ số 1819/QĐ-TTg ngày 16/11/2017	Các đơn vị chủ trì Đề án/Kế hoạch	Vụ Kế hoạch, Các Sở Nông nghiệp và PTNT	Các QĐ của Bộ ban hành KH cơ cấu lại từng lĩnh vực (2018-2020)	2018

<sup>1</sup> về chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020

<sup>2</sup> về chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng

TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
14.	Tiếp tục xây dựng Kế hoạch cơ cấu lại sản xuất và các giải pháp nâng cao khả năng cạnh tranh đối với những nông sản chủ lực quốc gia (sản phẩm có kim ngạch XK từ 1.0 tỷ USD trở lên và thịt lợn, gia cầm)	Các Tổng cục: LN, TS; các Cục: TT, CN, CB và PTTTNS	Vụ KH: các Cục: KHHT và PTNT, QLCL NLS và TS; các Sở NN&PTNT	Quyết định của Bộ phê duyệt Kế hoạch	2017 - 2018
15.	Tiếp tục thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, sản phẩm phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường ứng dụng khoa học kỹ thuật; áp dụng các quy trình sản xuất tốt	Cục Trồng trọt	Các Vụ: Kế hoạch, KHCN và MT; các đơn vị liên quan	Báo cáo trình Bộ trưởng	2018-2020
16.	Tăng cường công tác bảo vệ thực vật, giám sát, dự báo và thực hiện tốt các biện pháp phòng trừ sâu bệnh; quản lý tốt việc sản xuất, lưu thông và sử dụng các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật	Cục Bảo vệ thực vật	Cục Trồng trọt, Các Sở Nông nghiệp và PTNT	Báo cáo trình Bộ trưởng	2018-2020
17.	Rà soát lại chiến lược phát triển chăn nuôi; điều chỉnh quy mô các loại vật nuôi theo nhu cầu thị trường để nâng cao hiệu quả sản xuất và phát triển bền vững; xây dựng các điều kiện tiếp cận thị trường, tiến tới xuất khẩu một số sản phẩm chăn nuôi có tiềm năng	Cục Chăn nuôi	Cục Thú y; các đơn vị liên quan	Báo cáo kết quả trình Bộ trưởng	2018
18.	Giám sát và kiểm soát phòng trừ dịch bệnh; quy định và giám sát chặt chẽ việc QL và sử dụng thuốc thú y, ATTP	Cục Thú y	Cục Chăn nuôi; các đơn vị liên quan	Báo cáo kết quả trình Bộ trưởng	2018
19.	Phát triển đồng bộ, hiệu quả khai thác và nuôi trồng thủy sản; khuyến khích nuôi thâm canh, công nghiệp, áp dụng KHCN tiên tiến và nuôi theo tiêu chuẩn GAPs; tổ chức liên kết chuỗi từ nuôi, chế biến đến xuất khẩu cá tra	Tổng cục Thủy sản	Vụ KHCN và MT, Cục KHHT và PTNT; các đơn vị liên quan	Kế hoạch trình Bộ trưởng	2018-2020
20.	Trình phê duyệt và tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia phát triển ngành tôm Việt Nam đến năm 2025 (nhằm đạt mục tiêu 10 tỷ USD vào năm 2025)	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị liên quan	QĐ của TTgCP phê duyệt KH	2018

TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
21.	Bảo vệ, phát triển, sử dụng hiệu quả, bền vững diện tích rừng hiện có và quỹ đất QH cho phát triển LN: khôi phục hệ thống rừng ven biển, kiểm soát chặt chẽ chuyển mục đích sử dụng rừng và phát triển DVMTR. Thực hiện nghiêm chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên	Tổng cục Lâm nghiệp	Các đơn vị liên quan : các Sở Nông nghiệp và PTNT	Báo cáo kết quả thực hiện hàng năm trình TTgCP	2018-2020
<b>2. Về công tác quy hoạch</b>					
22.	Nghiên cứu quy định của Luật QH, rà soát các QH đang thực hiện, khẩn trương trình Bộ chuyển đổi sang Đề án/Chương trình phù hợp với Luật Quy hoạch	Các đơn vị chủ trì các QH ngành, lĩnh vực, sản phẩm	Vụ Kế hoạch	Quyết định của Bộ phê duyệt Đề án/Chương trình	2018
23.	Hoàn thành rà soát, đề xuất điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp theo Quyết định số 124/2012/QĐ-TTg ngày 02/2/2012	Vụ Kế hoạch	Các Tổng cục, Cục chuyên ngành	Quyết định của TTgCP phê duyệt quy hoạch	Quý II/2018
24.	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch liên quan đến kết cấu hạ tầng của ngành đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030	Các Tổng cục	Vụ KH, Cục Quản lý XDCT; các đơn vị liên quan	Các Quyết định điều chỉnh, bổ sung quy hoạch	2018 - 2019
25.	Rà soát quy hoạch và đề xuất cơ chế, chính sách phát triển các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ	Vụ Kế hoạch, Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường	Vụ Pháp chế, Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản	Báo cáo tổng hợp trình Bộ trưởng	Quý II/2018
<b>3. Về đổi mới, tổ chức lại sản xuất</b>					
26.	Thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết TW 5 (khóa XII) về sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả của DNNN	Vụ Quản lý doanh nghiệp	Vụ Kế hoạch và các đơn vị liên quan	Theo Quyết định của Bộ ban hành KHHD	2018
27.	Sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước và hoàn thành thoái vốn tại các doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm giữ, tham gia góp vốn	Vụ Quản lý doanh nghiệp	Doanh nghiệp thuộc Bộ	Quyết định của Bộ phê duyệt Kế hoạch triển khai	Theo QĐ số 58/2016/QĐ-TTg



TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
28.	Cơ ban hoàn thành sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp	Vụ Quản lý doanh nghiệp	Các Công ty nông, lâm nghiệp	Quyết định của TTgCP	Phương án TTgCP duyệt
29.	Đẩy mạnh liên kết sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Các Tổng cục, Cục chuyên ngành	ND thay thế QĐ số 62/2013/QĐ-TTg	2018
30.	Đề án phát triển 15.000 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả giai đoạn 2017 - 2020	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Các Tổng cục, các Cục; Vụ Kế hoạch	Quyết định của TTgCP phê duyệt Đề án	2018
31.	Tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2018 theo định hướng cơ cấu lại ngành	Vụ Kế hoạch	Cục QL XDCT; các TC, Cục, Vụ	BC giao ban tháng, hợp CP	KH đầu tư công năm 2018
<b>4. Đẩy mạnh phát triển thương mại, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm và tăng cường xuất khẩu</b>					
32.	Chu động tổ chức quảng bá, xúc tiến thương mại; tăng cường kiểm soát rào cản kỹ thuật, tháo gỡ rào cản thương mại nhằm mở rộng thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu NLTS	Các Cục: CB và PT TTNS, QLCL NLS&TS	Trung tâm XTTM nông nghiệp; các Sở NN và PTNT	Báo cáo kết quả năm 2018 của Bộ năm 2018	Theo kế hoạch năm 2018
33.	Nghiên cứu, xây dựng phương pháp nhằm đổi mới và nâng cao chất lượng dự báo về sản lượng và tiêu thụ sản phẩm NN; cải tiến công tác thông tin, dự báo thị trường nông sản	Viện Chính sách và CL phát triển NN, NT	Cục CB và PTTTNS; TT, TH và TK; Vụ KH	Báo cáo trình Bộ trưởng	Quý II/2018
34.	Xây dựng, triển khai các chương trình, đề án nhằm mục tiêu đa dạng hóa, phát triển thị trường tiêu thụ nông sản	Cục Chế biến và PT TT nông sản	TT XTTM NN; các Sở NN và PTNT	Các QĐ phê duyệt CT/ĐA	2018
35.	Đề án "Phát triển Trung tâm cung ứng hàng nông sản VN hiện đại" giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2030	Văn phòng Điều phối NTM TW	Cục Chế biến và PTTTNS	Quyết định của TTgCP	Quý IV/2018
<b>III. Phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới</b>					
<b>1. Đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới</b>					
36.	Hoàn thành các nhiệm vụ kế hoạch năm của Bộ thực hiện CT MTQG xây dựng NTM 2016 - 2020 và theo chỉ đạo của TTgCP, Trưởng BCD các CT MTQG	Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương	Các Tổng cục, Cục, Vụ, Viện; các địa phương	Các Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện	Theo Kế hoạch năm 2018 của Bộ

TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
37	Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới nhằm đạt mục tiêu cuối năm 2018. cả nước có 37% xã và 52 huyện đạt tiêu chí nông thôn mới	Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương	Các Tổng cục, Cục, Vụ, Viện; các Sở Nông nghiệp và PTNT	Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ	2018
38.	Hoàn thành xây dựng, trình TTgCP ban hành Đề án phát triển “Mỗi xã một sản phẩm” giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2030	Văn phòng ĐP NTM Trung ương	Các Cục: Chế biến, NLTS và NM, KHHT và PTNT	Quyết định của TTgCP phê duyệt Đề án	2018
39.	Thúc đẩy thực hiện xã hội hóa, đối tác công tư (PPP) trong lĩnh vực cấp nước sạch nông thôn	Văn phòng Điều phối NTM TW	Tổng cục TL, các đơn vị liên quan	Các văn bản chỉ đạo thực hiện	2018-2020
<b>2. Thực hiện tốt các chính sách xã hội, giảm nghèo và nâng cao đời sống của nông dân</b>					
40.	Nhận rộng các mô hình giảm nghèo bền vững; hỗ trợ phát triển sản xuất trong CT MTQG giảm nghèo bền vững	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Các Sở Nông nghiệp và PTNT	Báo cáo dự án	Theo tiến độ các dự án
41.	Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm nghiệm, thanh tra chất lượng. VS ATTP đối với sản phẩm NTTS, thực hiện kiểm tra tận gốc hàng NLTS nhập khẩu tạo thuận lợi cho việc thông quan tại cửa khẩu và giảm tỷ lệ các lô hàng nhập khẩu phải kiểm tra trong giai đoạn thông quan	Các Cục: QL chất lượng NLS và TS, BVTV, Thú y	Tổng cục Thủy sản; các Cục; các Sở Nông nghiệp và PTNT	Báo cáo kết quả tháng, quý, 6 tháng, năm 2018	Năm 2018 và theo Chi thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016
42.	Thanh tra, kiểm tra công tác quản lý chất lượng VTNN, ATTP và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm; trong đó tập trung vào hoạt động công vụ, chất cấm, sử dụng hóa chất CN, bơm tạp chất vào tôm, tiêm thuốc an thần vào heo	Thanh tra Bộ; các Tổng cục, Cục chuyên ngành	Bộ Công an; Thanh tra các Sở Nông nghiệp và PTNT	Báo cáo sơ kết, tổng kết kết quả thanh tra, kiểm tra	31/12/2018 và theo Kế hoạch thanh tra, kiểm tra
<b>IV. Ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường</b>					
43.	Hoàn thiện tổ chức, bộ máy cơ quan phòng chống thiên tai các cấp	Tổng cục Phòng chống thiên tai	Vụ TCCB; các Sở Nông nghiệp và PTNT	KH của Bộ thực hiện DA nâng cao năng lực QG về PCTT	2018

TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
44.	Tăng cường năng lực phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư, trong đó trọng tâm là di dân khẩn cấp, phòng chống lũ ống, lũ quét, sạt lở đất vùng thiên tai; bảo đảm an toàn hồ chứa, hệ thống đê sông, đê biển	Tổng cục Phòng chống thiên tai	Tổng cục Thủy lợi; Bộ Tài nguyên và Môi trường	Kế hoạch của Bộ thực hiện Đề án nâng cao năng lực QG về PCTT	Quý 1/2018
45.	Xây dựng mô hình thí điểm cấp xã đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ trong xây dựng nông thôn mới	Tổng cục Phòng chống thiên tai	Văn phòng Điều phối NTM TW; Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các mô hình được Bộ phê duyệt	2018
46.	Sẵn sàng ứng phó kịp thời, hiệu quả các sự cố, thiên tai và cứu hộ, cứu nạn	Tổng cục Phòng chống thiên tai	Tổng cục Thủy lợi; Các Bộ, ngành, các địa phương	Theo Kế hoạch riêng	Theo Kế hoạch riêng
47.	Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác các công trình thủy lợi; nâng cấp cơ sở hạ tầng NLTS	Tổng cục Thủy lợi	Cục Quản lý xây dựng công trình; các Tổng cục, Cục chuyên ngành	Báo cáo của Bộ trình TTgCP	Theo các Chương trình, Đề án, Dự án
48.	Theo dõi, đánh giá, dự báo nguồn nước, xâm nhập mặn và xây dựng kế hoạch sử dụng nước phục vụ chỉ đạo điều hành cấp nước sản xuất nông nghiệp các lưu vực sông	Tổng cục Thủy lợi	Các Bộ, ngành và các địa phương liên quan	Các Bản tin dự báo về nguồn nước và KH sử dụng nước	Định kỳ
49.	Triển khai thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững DBSCL thích ứng với biến đổi khí hậu và KH hành động của Bộ	Vụ Kế hoạch	Các TC: PCTT, TL; Viện CS và CL PT NN, NT	Theo Nghị quyết của BCS và KHHĐ của Bộ	2018
50.	Quản lý đất đai có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh do công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp, BQL rừng và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác sử dụng	Vụ Quản lý doanh nghiệp; Tổng cục LN	Các địa phương có liên quan	Báo cáo của Bộ gửi CP để trình Quốc hội	Theo NQ số 112/2015/NQ-QH13
51.	Nâng cao hiệu quả, nhân rộng thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng	Tổng cục Lâm nghiệp	Các đơn vị liên quan; các Sở Nông nghiệp và PTNT	Báo cáo của Bộ trình TTgCP	2018

TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
52.	Đề án thí điểm hoàn thiện và nhân rộng mô hình bảo vệ môi trường trong xây dựng NTM tại các xã khó khăn, biên giới, hai đảo theo định hướng xã hội hóa	Văn phòng điều phối nông thôn mới Trung ương	Vụ KHCN và MT, Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	BC theo QĐ số 712/QĐ-TTg, ngày 26/5/2017	Quý IV/2018
<b>V. Thúc đẩy mạnh mẽ cải cách hành chính; siết chặt kỷ luật, kỷ cương; xây dựng Chính phủ điện tử</b>					
53.	Hoàn thiện, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước của Bộ, ngành tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị thuộc Bộ; các Sở Nông nghiệp và PTNT	KHHĐ thực hiện CTHĐ của CP và NQTW 6	Quý I/2018
54.	Kiểm toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; thu gọn đầu mối bên trong Bộ, Tổng cục. Sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế gắn với cải cách công vụ, công chức	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị thuộc Bộ, Bộ Nội vụ	Kế hoạch của Bộ gửi Bộ Nội vụ	Năm 2018 và theo chỉ đạo của Chính phủ
55.	Tiếp tục triển khai có hiệu quả các chính sách về tinh giản biên chế; rà soát, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu quả và gắn kết với chính sách tinh giản biên chế	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị thuộc Bộ, Bộ Nội vụ	Kế hoạch của Bộ gửi Bộ Nội vụ	2018
56.	Chấm dứt việc tự phê duyệt và giao biên chế vượt quá số đã được cấp có thẩm quyền giao. Xây dựng KH và giải pháp giải quyết dứt điểm số biên chế vượt quá số được giao. Năm 2018 phấn đấu giảm 2,5% biên chế công chức, viên chức so với năm 2017; giảm 2,5% số đơn vị sự nghiệp công lập và 2,5% biên chế SN hưởng lương từ NSNN	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị thuộc Bộ, Bộ Nội vụ	Xây dựng KH đầu năm (QĐ giao biên chế) và Báo cáo kết quả năm 2018 gửi Bộ Nội vụ	2018
57.	Đổi mới phương thức, lề lối làm việc; giảm hội họp, đơn gian hóa chế độ báo cáo; xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp; xử lý dứt điểm và công khai kết quả xử lý các phản ánh, kiến nghị của người dân, DN về cơ chế, chính sách, TTHC	Các đơn vị thuộc Bộ, các Sở Nông nghiệp và PTNT	Vụ Tổ chức cán bộ, Văn phòng Bộ, Trung tâm Tin học và Thống kê	Báo cáo của Bộ hàng năm gửi Bộ Nội vụ, Văn phòng Chính phủ	2018 và các năm tiếp theo

TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
58.	Thực hiện nghiêm ky luật, ky cương trong các cơ quan hành chính nhà nước theo Chi thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 và Chi thị số 8362/CT-BNN-TCCB ngày 04/10/2016	Các đơn vị thuộc Bộ, các Sở Nông nghiệp và PTNT	Vụ Tổ chức cán bộ	Theo Chi thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016	Thường xuyên
59.	Tiếp tục triển khai đồng bộ các nội dung cải cách hành chính theo quy định tại Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011, Nghị quyết 36a/NQ-CP, Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016, Quyết định số 609/QĐ-TTg ngày 04/5/2017. Tăng cường giám sát, kiểm tra tình hình thực hiện các văn bản chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính; tăng cường công tác tuyên truyền cải cách hành chính; giải quyết các kiến nghị của bộ, ngành, địa phương liên quan đến cải cách hành chính	Vụ Tổ chức cán bộ, Văn phòng Bộ	Các đơn vị thuộc Bộ, Văn phòng CP, Bộ Nội Vụ	Báo cáo của Bộ gửi Bộ Nội vụ; VP Chính phủ	Theo Kế hoạch cải cách hành chính năm 2018
60.	Tập trung cải cách thủ tục hành chính, tháo gỡ các cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính liên quan đến đất đai, nông nghiệp nông thôn, ứng dụng công nghệ thông tin...	Văn phòng Bộ, Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Tài chính	TT TH và TK, các đơn vị thuộc Bộ; VPCP, Bộ NV; các đơn vị liên quan	Báo cáo của Bộ gửi Bộ Nội vụ, VP Chính phủ	Theo Kế hoạch cải cách hành chính năm 2018
61.	Xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; kiến trúc Chính phủ điện tử cấp Bộ	Trung tâm Tin học và Thống kê, Vụ KHCN và MT	Vụ Tổ chức cán bộ, VP Bộ, VPCP, Bộ Nội Vụ; các đơn vị liên quan	Báo cáo của Bộ gửi Bộ Nội vụ, VP Chính phủ	2018 - 2019
62.	Tổ chức triển khai việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính	Văn phòng Bộ, Vụ Tổ chức cán bộ	Trung tâm TH và TK, VP Chính phủ, Bộ Nội vụ	Báo cáo của Bộ gửi Bộ Nội vụ; VP Chính phủ	2018 và các năm tiếp theo
63.	Rà soát, lựa chọn các thủ tục hành chính đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo quy định pháp luật để tăng tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4, bao đảm thực hiện được mục tiêu Quốc hội giao	Các đơn vị thuộc Bộ, Vụ Tổ chức cán bộ, Văn phòng Bộ	Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội Vụ, các đơn vị liên quan	Báo cáo của Bộ gửi Bộ Nội vụ, Văn phòng Chính phủ	2018



TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
64.	Tập hợp, số hóa và cập nhật vào các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành để tích hợp, chia sẻ dữ liệu. Đẩy mạnh việc xây dựng và sử dụng các phần mềm dùng chung, cơ sở dữ liệu, bảo đảm tính tương thích, đồng bộ và thông suốt	Trung tâm Tin học và Thống kê, Vụ KHCN và Môi trường	Vụ Tổ chức cán bộ, Văn phòng Bộ, VP Chính phủ, Bộ Nội Vụ, các đơn vị liên quan	Báo cáo của Bộ gửi Bộ Nội vụ, Văn phòng Chính phủ	2018 - 2019
65.	Đề xuất sửa đổi, bổ sung Danh mục điều kiện đầu tư kinh doanh đối với các ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện lĩnh vực Bộ quản lý	Vụ Pháp chế	Vụ Quản lý doanh nghiệp, các đơn vị liên quan	ND sửa đổi một số ND về điều kiện ĐTKD trong NN	Quý II/2018
66.	Nâng cao hiệu quả kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Tiếp tục rà soát, bãi bỏ, cắt giảm 50% thủ tục hành chính và các điều kiện kinh doanh cụ thể, tạo môi trường thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp	Các Tổng cục, Cục chuyên ngành	Vụ Pháp chế, Vụ TCCB, Văn phòng Bộ, Tổng cục Hải quan (Bộ TC)	Báo cáo trình Bộ trưởng	Quý III/2018
67.	Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ: số 19-2018/NQ-CP và số 35/NQ-CP <sup>3</sup> ngày 16/5/2016	Vụ Quản lý doanh nghiệp	Các Tổng cục, Cục, Vụ được phân công	Các báo cáo của Bộ đề Bộ báo cáo Chính phủ	Theo Kế hoạch hành động của Bộ
68.	Nghiên cứu và xây dựng Đề án chuyên giao cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội có đủ năng lực đảm nhiệm một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà các cơ quan hành chính nhà nước không nhất thiết phải thực hiện; đổi mới phương pháp, cách thức giải quyết TTHC trên cơ sở nguyên tắc bảo đảm an ninh, an toàn, hiệu quả, thuận tiện, phục vụ theo nhu cầu của người dân và doanh nghiệp	Các Vụ: Tổ chức cán bộ, Quản lý doanh nghiệp	Các đơn vị liên quan	Quyết định của Bộ trưởng phê duyệt Đề án	Quý III/2018
69.	Thực hiện Chương trình thỏa thuận hợp tác giữa Bộ và VCCI giai đoạn 2016 - 2020 về hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào NN, NT	Các Vụ: Quản lý doanh nghiệp, Kế hoạch	Vụ TCCB, Cục CB và PITNS, Viện CSCL PT NN, NT	Theo Quyết định của Bộ phê duyệt Kế hoạch	2018

<sup>3</sup> về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đến năm 2020

TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
70.	Thực hiện Nghị quyết TW 5 (khóa XII) về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân	Vụ Quản lý doanh nghiệp	Các Vụ: Kế hoạch, HTQT; các đơn vị liên quan	Quyết định của Bộ ban hành KHHĐ	Quyết định của Bộ ban hành KHHĐ
<b>VI. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phòng chống tham nhũng</b>					
71.	Đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	Thanh tra Bộ	Các đơn vị thuộc Bộ, các Sở Nông nghiệp và PTNT	Báo cáo năm 2018 gửi TTraCP	Theo Kế hoạch của Bộ năm 2018
72.	Phối hợp đề trao đổi cung cấp thông tin về tham nhũng. Đẩy mạnh thanh tra trách nhiệm thực thi công vụ; thanh tra đột xuất khi phát hiện có dấu hiệu tham nhũng. Xử lý kiên quyết, kịp thời các hành vi tham nhũng, thu hồi triệt để tài sản của Nhà nước bị chiếm đoạt, thất thoát	Thanh tra Bộ	Các đơn vị thuộc Bộ, Thanh tra Chính phủ	Báo cáo kết quả thực hiện năm 2018 gửi Thanh tra Chính phủ	2018
73.	Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng và thực hiện nghiêm Nghị quyết. Kết luận của BCT, BCH Trung ương về phòng chống tham nhũng. Tăng cường phòng chống, phát hiện, xử lý nghiêm các vụ việc tham nhũng	Thanh tra Bộ	Các đơn vị thuộc Bộ, Thanh tra Chính phủ	Báo cáo kết quả thực hiện năm 2018 gửi Thanh tra Chính phủ	2018
74.	Nâng cao chất lượng công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo	Thanh tra Bộ	Các đơn vị thuộc Bộ	Báo cáo gửi Thanh tra CP	Theo Kế hoạch năm 2018
<b>VII. Tăng cường quốc phòng, an ninh; kết hợp phát triển nông nghiệp, nông thôn với bảo đảm quốc phòng, an ninh; hội nhập quốc tế</b>					
75.	Hoàn thành các nhiệm vụ trong Kế hoạch hành động của Bộ thực hiện Nghị quyết số 1059/NQ-UBTVQH ngày 09/11/2015 về thực hiện chính sách, pháp luật kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh	Các Tổng cục, Cục; các Sở Nông nghiệp và PTNT	Vụ Kế hoạch	Báo cáo của Bộ gửi Bộ Quốc phòng, VPCP và UBTVQH	Theo Quyết định 2779/QĐ-BNN-KH ngày 06/7/2016
76.	Kết hợp kinh tế với bảo đảm QP, AN trong xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành	Vụ Kế hoạch; các TC, Cục, Vụ	Các Sở NN và PTNT, các đơn vị thuộc Bộ	Các báo cáo quy hoạch, kế hoạch	Hàng năm, 5 năm và từng QH, KH

TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
77.	Nâng cao hiệu quả vận động tài trợ quốc tế cho ngành: tăng cường các hoạt động đàm phán mở cửa thị trường	Vụ Hợp tác quốc tế	Các đơn vị liên quan	Báo cáo trình Bộ trưởng	Hàng quý
78.	Phối hợp thực hiện các cam kết, sáng kiến do Việt Nam đề xuất và được thông qua trong Tuần lễ Cấp cao APEC 2017	Vụ Hợp tác quốc tế	Các đơn vị liên quan, Bộ Ngoại giao	Theo yêu cầu từ các cam kết, sáng kiến và CP	Theo yêu cầu của Chính phủ
<b>VIII. Đẩy mạnh công tác truyền thông; nâng cao năng lực công tác thông kê, dự báo</b>					
79.	Tăng cường năng lực công tác dự báo cung cầu thị trường nông sản	TT TH và TK, Viện CS và CL PT NN, NT	Vụ Kế hoạch, Bộ Công Thương, Tổng cục Thống kê	Các báo cáo trình Bộ trưởng	Hàng tháng, quý và theo yêu cầu
80.	Hợp tác, phối hợp về công tác thông kê và chia sẻ thông tin thông kê	Trung tâm TH và TK, Vụ KH	Các Tổng cục, Cục, Tổng cục TK	Báo cáo thực hiện Quy chế	Theo Quy chế đã ký năm 2016
81.	Ứng dụng CNTT trong điều hành, xử lý công việc thông qua việc sử dụng phần mềm quản lý văn bản, hồ sơ công việc, hệ thống thư điện tử công vụ. Cuối năm 2018, các vụ, cục, đơn vị thuộc Bộ phải xử lý được hồ sơ công việc trên môi trường mạng	Các Tổng cục, Cục, Vụ, đơn vị thuộc Bộ	Trung tâm TH và TK (chủ trì BC tổng hợp của Bộ), Vụ Kế hoạch	Báo cáo năm 2018 gửi VPCP, Bộ Thông tin và Truyền thông	Tháng 12/2018
82.	Đẩy mạnh phong trào thi đua "Toàn ngành nông nghiệp và PTNT chung sức thực hiện cơ cấu lại ngành và xây dựng nông thôn mới" giai đoạn 2017 - 2020	Vụ Tổ chức cán bộ	Hội đồng ĐKT Bộ, các đơn vị thuộc Bộ, các Sở NN và PTNT	Báo cáo của Bộ gửi Bộ Nội vụ, Ban ĐK Khen thưởng TW	Năm 2018 và theo KH sơ kết, tổng kết thi đua
83.	Đẩy mạnh phong trào thi đua đổi mới và phát triển HTX nông nghiệp trên địa bàn cả nước	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Vụ TCCB, các Sở Nông nghiệp và PTNT	Báo cáo của Bộ gửi Bộ NV, Ban Thi đua KT TW	Tháng 11/2018
84.	Thực hiện các chương trình, kế hoạch phối hợp công tác đã ký kết giữa Bộ Nông nghiệp và PTNT với các cơ quan liên quan, các địa phương	Các đơn vị được Bộ giao chủ trì	Văn phòng Bộ, các đơn vị liên quan	Báo cáo trình Bộ trưởng	2018
85.	Đề án nâng cao năng lực công tác thông kê, dự báo ngành giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Trung tâm TH và TK	Vụ KH, các đơn vị liên quan	QĐ của BT phê duyệt Đề án	2018 - 2019